

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đỗ Thùy Dương

QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỪ NĂM 2011 ĐẾN NĂM 2019

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 62 31 02 06

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

Hà Nội - 2023

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Nguyễn Vũ Tùng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp ĐHQG chấm luận án
tiến sĩ họp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
ĐHQGHN

Vào hồigiờngày ...tháng năm 2023.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đảng Cộng sản (ĐCS) Việt Nam là hạt nhân lãnh đạo cả hệ thống chính trị của đất nước và lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, mọi mặt công tác đối ngoại. Đảng không chỉ hoạch định, xây dựng đường lối đối ngoại, lãnh đạo việc triển khai, mà còn là chủ thể trực tiếp thực hiện đường lối đối ngoại đó, là một kênh/trụ cột của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại Việt Nam. (cùng với 2 kênh/trụ cột còn lại là ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân).

Quan hệ đối ngoại của Đảng Cộng sản ĐCS Việt Nam là mối quan hệ của Đảng với các đảng phái, tổ chức chính trị ở các nước trên thế giới; đồng thời là mối quan hệ giữa các lãnh đạo Đảng với lãnh đạo các đảng, các tổ chức chính trị, các chính khách của các nước¹. Đối ngoại đảng có vị trí và vai trò quan trọng trong việc triển khai thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Quan hệ đối ngoại đảng tạo nền tảng chính trị để thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với các nước đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững; củng cố và tăng cường hậu thuẫn chính trị quốc tế, tranh thủ được sự đồng tình của các chính đảng và tổ chức, chính giới với sự nghiệp cách mạng của ĐCS Việt Nam.

Qua hơn 35 năm thực hiện đường lối đối ngoại mới, hơn 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) và 12 năm thực hiện Cương xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, sửa đổi năm 2011) (gọi tắt là “Cương lĩnh 2011”), ĐCS Việt Nam - với tư cách là một chủ thể quan hệ quốc tế - đã không ngừng mở rộng và tăng cường quan hệ đa dạng với nhiều chính đảng ở các nước trên thế giới. ĐCS Việt Nam đã có quan hệ với 253 đảng ở 115 quốc gia trên thế giới, trong đó có 92 ĐCS, 63 đảng cầm quyền, 38 đảng tham gia liên minh cầm quyền, tham chính... Thông qua các mối quan hệ đối ngoại đó, ĐCS Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các chính đảng trên thế giới trong việc thực hiện đường lối đối ngoại, góp phần quan trọng tạo nền tảng chính trị thúc đẩy quan hệ hợp tác ổn định, bền vững giữa Việt Nam và các nước, tạo môi trường hòa bình, ổn định phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế của ĐCS Việt Nam, nước Việt Nam trên trường quốc tế.

¹ Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Việt Thông 2016, tr. 280

Tuy nhiên, nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của đối ngoại đảng có lúc, có nơi vẫn chưa thật đầy đủ. Dù vai trò của đối ngoại Đảng là rõ ràng trong thực tiễn nhưng cho tới thời điểm hiện tại không có công trình chuyên sâu và toàn diện nào nghiên cứu về vai trò của hoạt động này và các mối quan hệ đối ngoại đảng từ góc độ quan hệ quốc tế.

Với những lý do như trên, nghiên cứu sinh đã lựa chọn chủ đề **“Quan hệ đối ngoại của Đảng cộng sản Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2019”** là đề tài nghiên cứu của luận án.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Luận án phân tích, làm rõ sự phát triển trong quan hệ đối ngoại của Đảng cộng sản Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2019 trên các lĩnh vực lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và phát huy vai trò của đối ngoại Đảng trong quan hệ đối ngoại chung của đất nước.

2.2. Nhiệm vụ

- Làm rõ nội dung, vị trí, vai trò của đối ngoại đảng hệ thống đối ngoại Việt Nam, chức năng của đối ngoại đảng.

- Hệ thống lại và làm rõ quá trình phát triển tư duy của ĐCS Việt Nam về đối ngoại đảng từ khi tiến hành đổi mới và nhất là trong hai nhiệm kỳ Đại hội XI, XII.

- Trình bày quá trình triển triển khai quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam từ năm 2011 đến 2019.

- Khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tăng cường quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam trong tình hình mới, thực hiện lợi ích quốc gia-dân tộc, nâng cao vị thế của ĐCS Việt Nam và đất nước trên trường quốc tế.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là *quan hệ đối ngoại* của ĐCS Việt Nam.

3.2. Phạm vi

Về nội dung: Luận án tập trung phân tích các mối quan hệ đối ngoại của Đảng do chủ thể tiến hành là ĐCS Việt Nam (ở cấp Trung ương) và thông qua chức năng, nhiệm vụ của Ban Đối ngoại Trung ương, qua đó đánh giá hiệu quả và vai trò của quan hệ đối ngoại đảng trong tổng thể triển khai chính sách đối ngoại của ĐCS Việt Nam.

Về thời gian: từ năm 2011 đến hết năm 2019.

Về không gian: Các mối quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam là

với các chính đảng, các diễn đàn đa phương trên toàn thế giới.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận của Luận án là quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại, ngoại giao; đường lối của Đảng và chính sách đối ngoại của Việt Nam. Luận án sử dụng cách tiếp cận của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa hiện thực để xem xét vai trò của ĐCS Việt Nam trong quan hệ quốc tế; cách tiếp cận hệ thống - cấu trúc để phân tích các yếu tố thế giới, khu vực và trong nước tác động sự phát triển tư duy về đối ngoại đảng của ĐCS Việt Nam và các mối quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2019.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp lịch sử*: Luận án đã sử dụng phương pháp lịch đại và đồng đại để xem xét, trình bày một cách trung thực các mối quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2019.

- *Phương pháp logic*: Để tìm ra bản chất, khuynh hướng tất yếu và sự vận động của trong sự phát triển quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam.

- *Phương pháp phân tích chính sách*: Tìm hiểu, đánh giá đường lối đối ngoại của ĐCS Việt Nam, mục tiêu và nội dung chính sách đối ngoại của Việt Nam, mà chủ thể là những chủ trương trong triển khai quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam với các chính đảng.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Luận án phân tích đường lối, chủ trương của ĐCS Việt Nam, đặc điểm bối cảnh quốc tế và trong nước, các diễn biến, quá trình nhận thức và triển khai trong thực tiễn quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam,

- *Phương pháp so sánh*: Phương pháp này được sử dụng để làm rõ bước phát triển quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam

- *Phương pháp phỏng vấn chuyên gia và phương pháp thống kê, nghiên cứu tài liệu sơ cấp*: với điều kiện làm việc tại cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng về công tác đối ngoại, tác giả có điều kiện phỏng vấn trực tiếp các đồng chí lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại đảng và nghiên cứu các hồ sơ sơ cấp, trực tiếp tham gia phục vụ các hoạt động đối ngoại đảng, giúp cho việc nghiên cứu có độ sát thực cao.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án

5.1. Về mặt lý luận và khoa học

Luận án chứng minh sự tồn tại của ĐCS Việt Nam là một chủ thể trong quan hệ quốc tế; làm rõ nội dung, vị trí, vai trò của đối ngoại đảng trong hệ thống đối ngoại Việt Nam, từ đó góp phần hoàn thiện lý luận về hệ thống đối ngoại Việt Nam nói chung và đối ngoại đảng nói riêng.

Trên cơ sở phân tích một cách toàn diện và hệ thống về quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2019, luận án khẳng định tính đúng đắn của chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam nhằm mục tiêu bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc.

Kết quả nghiên cứu của luận án cũng góp phần làm sáng tỏ quá trình phát triển nhận thức về đối ngoại đảng của ĐCS Việt Nam và quá trình triển khai các hoạt động đối ngoại đảng - một trong ba trụ cột của ngoại giao Việt Nam.

5.2. Về thực tiễn

- Luận án giúp bổ sung và hệ thống tư liệu nghiên cứu của Việt Nam về quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam từ việc phân tích thực tiễn tại cơ quan nghiên cứu, tham mưu, triển khai hoạt động đối ngoại của ĐCS Việt Nam.

- Luận án rút ra một số bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam, khuyến nghị một số giải pháp nhằm tăng cường quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam trong tình hình mới.

- Luận án có thể được sử dụng phục vụ trực tiếp cho công tác, làm một tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy, nghiên cứu về chính sách đối ngoại.

6. Bố cục của Luận án

Ngoài phần lời cam đoan, lời cảm ơn, mục lục, danh mục các từ viết tắt, danh mục các bảng, mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án và phụ lục, Luận án được chia làm 04 chương.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở triển khai quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2019.

Chương 3: ĐCS Việt Nam triển khai quan hệ đối ngoại từ năm 2011 đến năm 2019.

Chương 4: Nhận xét và khuyến nghị.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Nghiên cứu về chủ trương, chính sách đối ngoại và thực tiễn triển khai quan hệ đối ngoại của Việt Nam

Các nhóm sách, công trình nghiên cứu chủ yếu tập trung về chủ trương, chính sách đối ngoại của Việt Nam, gồm cả các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của ĐCS Việt Nam với khu vực. Chủ đề quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam khá đặc thù nên đến nay không có nhiều công trình nghiên cứu của học giả nước ngoài.

Trong nhóm các công trình nghiên cứu về thực tiễn triển khai quan hệ đối ngoại của Việt Nam có thể thấy nổi bật là các tác phẩm về những thành tựu trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam trên cơ sở thực thi chính sách đối ngoại của Việt Nam Đây là những công trình tiêu biểu, công phu trong việc nghiên cứu một cách hệ thống về việc triển khai các hoạt động đối ngoại của Việt Nam. Bên cạnh đó, còn có các công trình nghiên cứu về quan hệ đối ngoại song phương giữa Việt Nam với các nước hoặc khu vực.

Các công trình kể trên cung cấp một bức tranh khá toàn diện và công phu về việc triển khai đường lối, chính sách đối ngoại của ĐCS Việt Nam và thành tựu trong quan hệ đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

1.2. Nghiên cứu về đảng chính trị và quan hệ đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam

Liên quan đến chủ đề về đảng chính trị có một số tác phẩm liên quan đến đề tài, tập trung phân tích về vai trò của đảng chính trị trong hệ thống chính trị các nước và vai trò của đảng chính trị trong hoạch định đường lối đối ngoại.

Nhóm chủ đề đề cập đến các hoạt động đối ngoại mà ĐCS Việt Nam là chủ thể trực tiếp tiến hành được thể hiện trong các bài viết ngắn, bước đầu phản ánh các mối quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam với các chính đảng theo ở các khu vực trên thế giới,

1.3. Nhận xét

Nhận xét chung

- Các công trình khoa học nghiên cứu về đường lối đối ngoại và hoạt động đối ngoại của ĐCS Việt Nam trong những năm qua được đăng tải ngày càng nhiều về số lượng, nội dung các công trình đề cập khá toàn diện.

- Nhìn tổng thể, liên quan đến phạm vi nghiên cứu của luận án, các công trình khoa học tập trung nghiên cứu về quan điểm tư tưởng, đường

lối đối ngoại của Đảng nói chung, về hoạt động đối ngoại cụ thể để triển khai đường lối, chính sách đối ngoại đó.

- Những công trình khoa học, bài viết về hoạt động đối ngoại của Đảng để đưa đất nước đến độc lập, tự do khá phong phú, đa dạng về cách tiếp cận, về các mối quan hệ quốc tế. Cụ thể về hoạt động đối ngoại của ĐCS Việt Nam, đã có một số bài viết trên tạp chí đề cập đến hoạt động đối ngoại của ĐCS Việt Nam theo thời gian từng năm, hoặc với các đối tác, như: với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, ĐCS Trung Quốc, các chính đảng ở các khu vực khác nhau trên thế giới; và các hoạt động của ĐCS Việt Nam trong phong trào cộng sản quốc tế, với các ĐCS, công nhân và các đảng cánh tả. Đây là nguồn tài liệu có giá trị tham khảo, kê thừa lớn đối với nghiên cứu sinh trong quá trình thực hiện đề tài luận án.

Những vấn đề chưa được làm rõ trong các nghiên cứu nói trên

Tuy nhiên, cho đến nay, còn thiếu những công trình khoa học nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và có hệ thống về quá trình phát triển tư duy đối ngoại Đảng của ĐCS Việt Nam; về quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam với tư cách là một chủ thể trong quan hệ quốc tế, một chủ thể tham gia triển khai đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng đề ra và vai trò của của đối ngoại Đảng với tư cách là một kênh/công cụ triển khai chính sách đối ngoại của Đảng.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu hiện nay đều tập trung về chính sách đối ngoại của ĐCS Việt Nam, về sự lãnh đạo của Đảng đối với các hoạt động đối ngoại song phương, đa phương hoặc về nền ngoại giao Việt Nam. Các hoạt động đối ngoại do ĐCS Việt Nam tiến hành chưa được nghiên cứu thành công trình chuyên khảo riêng biệt và vẫn là một vấn đề mới. Dù trên thực tế, các mối quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam – quan hệ đối ngoại Đảng – được triển khai ngay khi Đảng ra đời, là quan hệ của Đảng với các chính đảng, diễn đàn chính trị quốc tế và chính khách nước ngoài. Trải qua hơn 30 năm Đổi mới và nhất là trong quá trình hội nhập quốc tế, đối ngoại Đảng đã góp phần quan trọng bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, tối ưu hoá lợi ích của đất nước.

Những vấn đề Luận án tập trung giải quyết

÷ Luận giải, làm rõ vai trò của ĐCS Việt Nam – đảng chính trị và cầm quyền duy nhất ở Việt Nam - là một chủ thể trong quan hệ quốc tế.

÷ Làm rõ nội dung, vị trí, vai trò của đối ngoại đảng trong công tác đối ngoại nói chung của Việt Nam, từ đó góp phần hoàn

thiện lý luận về hệ thống đối ngoại Việt Nam nói chung và đối ngoại đảng nói riêng.

÷ Tổng hợp, hệ thống lại quá trình phát triển tư duy đối ngoại đảng của ĐCS Việt Nam.

÷ Đánh giá toàn diện các nội dung triển khai quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2019, qua đó làm rõ đóng góp của đối ngoại đảng đối với thành quả đối ngoại chung của đất nước với tư cách là một kênh/công cụ triển khai chính sách đối ngoại của Đảng.

÷ Khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tăng cường quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam trong tình hình mới, thực hiện lợi ích quốc gia-dân tộc, nâng cao vị thế của ĐCS Việt Nam và đất nước trên trường quốc tế.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ TRIỂN KHAI QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI CỦA ĐCS VIỆT NAM TỪ NĂM 2011 ĐẾN NĂM 2019

2.1. Các khái niệm

2.1.1. Đảng chính trị

“Đảng chính trị” là hiện tượng chính trị của xã hội có phân chia thành các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Đặc biệt, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác nhấn mạnh *tính chất giai cấp* khi nêu về bản chất và các đặc trưng của chính đảng.

Với tư cách là đội tiên phong, đại biểu cho lợi ích của giai tầng xã hội nhất định, đảng chính trị (chính đảng) đã trở thành một hiện tượng chính trị phổ biến ở tất cả các nước trên thế giới. Các chính đảng đang ngày càng trở thành một trong những chủ thể quan trọng trong quan hệ quốc tế, khẳng định vị trí và vai trò quan trọng không chỉ trong việc hoạch định, mà còn trong phân biện hoặc triển khai các chính sách đối nội và đối ngoại của các quốc gia. Quan hệ quốc tế giữa các chính đảng luôn tạo nền tảng chính trị cho quan hệ giữa các quốc gia; theo đó, tầm quan trọng của đối ngoại Đảng càng không ngừng được nâng lên.

2.1.2. Chính sách đối ngoại

Chính sách đối ngoại của một quốc gia sẽ bao gồm 5 thành tố: (i) ”vấn đề” trong chính sách đối ngoại; (ii) bộ máy/thể chế trong chính sách đối ngoại; (iii) mục tiêu của chính sách đối ngoại; (iv) công cụ chính sách đối ngoại; và (v) văn kiện chính sách đối ngoại.

2.1.3. Đối ngoại đảng

Đối ngoại đảng được hiểu là các hoạt động của một chính đảng liên quan đến các đối tác bên ngoài, bao gồm hoạt động lý luận và thực

tiền của một chính đảng trong việc triển khai quan hệ đối ngoại chính đảng. Nói cách khác, đối ngoại đảng là công cụ thực hiện đường lối, chủ trương chính sách đối ngoại của Đảng và ĐCS Việt Nam cũng chính là một chủ thể trong quan hệ quốc tế.

2.2. Cơ sở lý luận

2.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin về quan hệ quốc tế

Một số quan điểm nổi bật trong quan hệ quốc tế của Chủ nghĩa Mác-Lênin là: Đưa ra thế giới quan duy vật, biện chứng trong phân tích, đánh giá tình hình thế giới; Chủ nghĩa xã hội hiện thực là mô hình thúc đẩy đoàn kết quốc tế; Các chủ thể quan hệ quốc tế có quyền tự quyết dân tộc, bình đẳng, chung sống hòa bình bất chấp khác biệt về chế độ chính trị, xã hội.

2.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại

Tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh là một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng toàn diện sâu sắc của Người về đường lối cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, nổi bật là tư tưởng của Người về hợp tác quốc tế, thể hiện qua các bài viết, phát biểu và nhất là qua hoạt động đối ngoại thực tiễn, tập trung vào một số điểm chính sau:

Một là, hợp tác quốc tế phải phục vụ mục tiêu cơ bản và xuyên suốt của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Người nhắc “Muốn làm gì cũng vì lợi ích của dân tộc mà làm”.²

Hai là, trong quá trình thực hiện hợp tác quốc tế cần có chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ. Đây chính là bài học về sự kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, về việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với các trào lưu cách mạng thế giới.

Ba là, thực hiện hợp tác quốc tế theo hướng đa phương và đa dạng các mối quan hệ vì hoà bình, hợp tác và phát triển.

Những điểm nổi bật nêu trên trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế đã được chứng minh tính đúng đắn bằng thực tiễn thành công của các hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

2.2.3. Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò chủ thể quan hệ quốc tế dưới góc nhìn một số lý thuyết quan hệ quốc tế

² <http://baochinhphu.Việt Nam/45-nam-thuc-hien-Di-chuc-Bac-Ho/Muon-lam-gi-cung-vi-loi-ich-cua-dan-toc-ma-lam/207177.vgp>

Chủ nghĩa tự do nêu những luận điểm về chủ thể phi quốc gia, vai trò của yếu tố đối nội, tính duy lý của chủ thể, tính đa dạng của lợi ích quốc gia và tính đa lĩnh vực của quan hệ quốc tế.

Theo **Chủ nghĩa Hiện thực**, quốc gia là chủ thể cơ bản trong quan hệ quốc tế. Đặc điểm của chủ thể quốc gia này là chủ thể nhất thể và có lý trí. Nghĩa là quốc gia là một và thống nhất trong quan hệ với bên ngoài, luôn tính toán để đạt được lợi ích cao nhất trong quan hệ quốc tế.

Tác giả Luận án đồng tình với định nghĩa của Hoàng Khắc Nam về Chủ thể quan hệ quốc tế, được định nghĩa là “những thực thể đóng một vai trò có thể nhận thấy được trong quan hệ quốc tế”³. Căn cứ vào bốn đặc trưng của chủ thể quan hệ quốc tế, s hậ n thầ y, quốc gia là chủ thể cơ bản và có vai trò lớn nhất trong quan hệ quốc tế. Bên cạnh đó, tại Việt Nam có một đặc trưng nổi bật, ĐCS Việt Nam là Đảng Cộng sản và là Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Vì vậy, dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Tự do hay Chủ nghĩa Hiện thực, ĐCS Việt Nam hoàn toàn có thể được xem là một chủ thể trong quan hệ quốc tế.

2.3. Cơ sở thực tiễn

2.3.1. Đổi mới tư duy đối ngoại của ĐCS Việt Nam

2.3.3.1. Những dấu mốc đổi mới tư duy đối ngoại

Nghiên cứu các văn kiện Đảng phần về đối ngoại cho thấy những tư tưởng rất mới về đối ngoại của ĐCS Việt Nam. Toàn bộ các văn kiện đã hình thành một hệ thống các quan điểm đổi mới của Đảng về nhìn nhận tình hình thế giới và chính sách đối ngoại từ sau năm 1986. Đây cũng có thể coi là một thành tựu và những dấu mốc quan trọng trong tiến trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới được tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng. Trước tiên hãy cùng nhìn lại những dấu mốc đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng.

2.3.1.2. Những điểm nhấn quan trọng trong đổi mới tư duy đối ngoại

*** Cách nhìn nhận về thời đại và xu thế phát triển thế giới**

Đổi mới tư duy đối ngoại bắt nguồn từ những đổi mới trong cách nhìn nhận về thời đại và xu thế phát triển thế giới của ĐCS Việt Nam. Từ giữa những năm 1980 của thế kỷ trước, tư duy hai hệ thống, hai chế độ đã được bổ sung bằng thế giới quan mới về thời đại và cục diện thế giới.

Tổng kết về quá trình đổi mới tư duy kể trên, Đại hội Đảng XII đã nêu: “Nhận thức đúng về xu thế của thời đại và cục diện thế giới, khu

³ Theo Hoàng Khắc Nam [2016, trang 43]

vực, Đảng, Nhà nước đã có định hướng chỉ đạo và các chính sách đúng đắn, kịp thời trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc. Nhiều chủ trương, giải pháp xử lý các vấn đề phức tạp đã tạo được sự đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân và được dư luận quốc tế ủng hộ.”⁴

** Cách nhìn nhận về lợi ích quốc gia, dân tộc*

Rõ ràng, với đổi mới tư duy đối ngoại nhấn mạnh vào lợi ích dân tộc, chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới đã được xây dựng trên một nền tảng lý luận vững chắc và gần hơn về mặt thực tiễn với truyền thống thực hành chính sách đối ngoại của ông cha cũng như trong quan hệ quốc tế nói chung. Với định hướng này, ĐCS Việt Nam đã và đang thực hiện “một bước chuyển căn bản về tư duy và thực tiễn của hoạt động đối ngoại,”⁵

** Sự đổi mới tư duy trong phương châm thực hiện nhiệm vụ đối ngoại*

Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX được coi là tài liệu thứ hai có tầm quan trọng chiến lược trong chính sách đối ngoại, nêu ra nhận thức mới về “đối tượng” và “đối tác”⁶ và xác định nguyên tắc, phương thức đối ngoại với tất cả các nước trong khu vực và thế giới, không phân biệt chế độ và trình độ phát triển. Theo đó, việc xác định đối tượng, đối tác tùy theo tình huống, hoàn cảnh, thời điểm cụ thể một cách biện chứng, linh hoạt chứ không dễ dãi và cũng không cứng nhắc, sơ hở.⁷

Đại hội Đảng lần thứ X (2006) cũng nêu rõ các phương châm thực hiện chính sách đối ngoại cụ thể “mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác,” trong khi phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả.”⁸ Tinh thần này đã được thể hiện rõ trong các chính sách của ta đối với các đối tác hợp tác cụ thể. Ví dụ, nghị quyết của Bộ Chính trị (2009) đã nêu rõ: Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN với tinh thần “chủ động, tích cực, và có trách nhiệm.”

⁴ ĐCS Việt Nam 2016, tr. 152

⁵ Xem “Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới,” trang 160.

⁶ Chapman, Nicholas (2017), p. 33.

⁷ Phạm Quang Minh (2017), tr. 14.

⁸ ĐCS Việt Nam, Văn kiện Đại hội X, trang 112 – 113.

2.3.2. Vị trí, vai trò của đối ngoại Đảng trong việc triển khai chính sách đối ngoại của ĐCS Việt Nam

Từ khi đi vào đời mới đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, điều hành của Nhà nước, các tổ chức cấu thành hệ thống chính trị Việt Nam đều triển khai các mối quan hệ đối ngoại, hình thành nên 03 kênh đối ngoại của Việt Nam. Trên cơ sở các định nghĩa, có thể xây dựng Bảng mô tả về chức năng của các trụ cột thực hiện chính sách đối ngoại của ĐCS Việt Nam như sau:



2.3.3. Quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam đến trước năm 2011

Thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Sự ra đời của ĐCS Đông Dương ngày 3/2/1930 (sau này là Đảng Lao động Việt Nam và ĐCS Việt Nam) đánh dấu sự mở đầu cho đường lối đối ngoại của Việt Nam thông qua việc triển khai các hoạt động đối ngoại quan trọng của Đảng. Quan hệ đối ngoại của Đảng ở thời kỳ này tập trung vào việc duy trì mối liên hệ mật thiết với Quốc tế Cộng sản và các đảng anh em, nhất là với ĐCS Liên Xô và ĐCS Trung Quốc; xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng; đấu tranh giành chính quyền; tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng Đồng minh chống phát xít.

Thời kỳ chống thực dân Pháp (1946-1954)

Các quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong đó có quan hệ đối ngoại Đảng ở thời kỳ này tập trung vào: giành sự công nhận của cộng đồng quốc tế đối với nền độc lập dân tộc mới giành được của Việt Nam; tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; xây dựng liên minh chiến đấu của ba dân tộc Việt Nam, Lào và Campuchia cùng chống thực dân Pháp xâm lược; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ các cấp, các ngành.

Thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

Các mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong đó có quan hệ đối ngoại đảng tập trung vào việc tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn, hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế đối với cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam; xây dựng mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam và ủng hộ Việt Nam chống Mỹ, cứu nước; tiếp tục củng cố và phát huy liên minh chiến đấu Việt Nam, Lào, Campuchia; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đối ngoại.

Thời kỳ trước đổi mới sau khi thống nhất đất nước (1975-1986)

Trong giai đoạn này, hoạt động đối ngoại được xây dựng, tập trung vào 3 nhiệm vụ chính trị lớn là: (i) Giành sự công nhận và tôn trọng của các nước trên thế giới đối với độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; (ii) Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, chống quân Trung Quốc xâm lược, chống sự xâm lấn của quân Khơ-me đỏ và giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng;

(iii) Tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để sớm khắc phục các hậu quả chiến tranh và tái thiết đất nước sau chiến tranh.

Thời kỳ đổi mới (1986 đến 2011)

Các hoạt động đối ngoại được triển khai thực hiện có kết quả trên cơ sở đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Trong đó, các mối quan hệ đối ngoại đang tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong quan hệ với không chỉ các chính đảng, bạn bè quốc tế, mà còn đóng góp ngày càng toàn diện, thiết thực hơn vào việc thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với các đối tác trên thế giới.

Tiểu kết

Đảng chính trị là tổ chức xã hội tự nguyện, liên minh chính trị đại biểu tập trung nhất cho lợi ích của giai cấp mình. Ngày nay, các đảng chính trị đều có vị trí, vai trò ngày càng quan trọng không chỉ trong việc hoạch định và triển khai các chính sách đối nội, mà cả trong việc hoạch định và triển khai các chính sách đối ngoại của mỗi nước, trở thành chủ thể trong quan hệ quốc tế hiện đại. Khi tham gia các mối quan hệ quốc tế, các chính đảng không chỉ đại biểu cho lợi ích của giai tầng xã hội nước mình, mà còn đại biểu cho lợi ích quốc gia, dân tộc mình.

Đối với Việt Nam, ĐCS Việt Nam là ĐCS và là đảng cầm quyền duy nhất. ĐCS Việt Nam lãnh đạo toàn diện tất cả các lĩnh vực trong đó có lĩnh vực đối ngoại. Đảng đề ra chủ trương, đường lối chính sách đối ngoại và lãnh đạo việc thực hiện các hoạt động đối ngoại nhằm triển khai đường lối, chính sách đối ngoại đó một cách liên tục, nhất quán trong mục tiêu, tư tưởng, nguyên tắc, phương châm, kế thừa thành quả của các thời kỳ trước, có khả năng tự đổi mới mạnh mẽ để vươn lên ngang tầm với những yêu cầu, đòi hỏi của tình hình mới.

ĐCS Việt Nam xác định rõ ba công cụ triển khai chính sách đối ngoại của mình gồm đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Trong đó, công tác đối ngoại đảng ngày càng được triển khai mạnh mẽ, các mối quan hệ đối ngoại đảng được thúc đẩy cả về chiều rộng và chiều sâu, cho thấy ĐCS Việt Nam không chỉ đề ra đường lối chính sách, mà còn là chủ thể triển khai các mối quan hệ quốc tế, để từ đó đúc rút ra các bài học kinh nghiệm trực tiếp và tiếp tục hoàn thiện, bổ sung đường lối, chính sách đối ngoại cho phù hợp điều kiện, tình hình và tiếp tục hoàn thiện và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực đối ngoại.

CHƯƠNG 3. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRIỂN KHAI QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2019

3.1. Chủ trương và bộ máy triển khai quan hệ đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam

3.1.1. Chủ trương, chính sách về đối ngoại Đảng

Tiếp nối đường lối đối ngoại từ Đại hội VI đến Đại hội X, *Đại hội XI* (năm 2011) của ĐCS Việt Nam nhấn mạnh các yêu cầu: "Phát triển quan hệ với các ĐCS, công nhân, đảng cánh tả, các đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; mở rộng tham gia các cơ chế, diễn đàn đa phương ở khu vực và thế giới".⁹

Để cụ thể hoá đường lối đối ngoại của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, ngày 08/02/2012, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Kết luận số 73-TB/TW về "*tăng cường quan hệ đối ngoại của Đảng trong tình hình mới*" nhằm mở rộng và đưa quan hệ đối ngoại của Đảng đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, phát huy mạnh mẽ sự phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân trong công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Kết luận 73 xác định tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả quan hệ đối ngoại của Đảng để tạo nền tảng chính trị cho quan hệ ổn định, bền vững giữa Việt Nam và các nước, tiếp tục tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân thế giới, các chính đảng, tổ chức, chính giới các nước và bạn bè quốc tế với sự nghiệp cách mạng của ĐCS Việt Nam, tạo thế chủ động trong việc xử lý các vấn đề khu vực và quốc tế, thực hiện lợi ích quốc gia, dân tộc.¹⁰

Tại *Đại hội XII* (tháng 01/2016), một lần nữa ĐCS Việt Nam nhấn mạnh yêu cầu "Mở rộng, làm sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân"¹¹; "Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh"¹².

Trong giai đoạn này, dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển nhận thức, tư duy của ĐCS Việt Nam về mở rộng các mối quan hệ đối

⁹ ĐCS Việt Nam (2011), tr. 237.

¹⁰ Hoàng Bình Quân (2016), tr. 12.

¹¹ ĐCS Việt Nam (2016), tr. 154.

¹² ĐCS Việt Nam (2016), tr. 156.

ngoại với các chính đảng và các diễn đàn đa phương chính đảng là việc Bộ Chính trị (khóa XII) ban hành Chỉ thị 32-CT/TW ngày 18/02/2019 về “*Tăng cường và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại đảng trong tình hình mới*”.

Có thể khẳng định rằng, việc đổi mới tư duy, nhận thức và thể giới quan về đối ngoại của ĐCS Việt Nam là tiền đề quan trọng cho việc xác định các mục tiêu đối đối ngoại, xây dựng các chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam nói chung và là cơ sở để phát triển, mở rộng quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam.

3.1.2. Tổ chức, bộ máy triển khai quan hệ đối ngoại đảng

Đối với ĐCS Việt Nam, khi phân tích việc triển khai các mối quan hệ đối ngoại đảng cần quan tâm đến một số điểm chủ yếu sau về chủ thể tiến hành quan hệ, đối tác quan hệ, nội dung, hình thức triển khai các mối quan hệ và đầu mối tổ chức, triển khai các hoạt động đối ngoại.

3.2. Các đối tác trong quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam

3.2.1. Các đảng cộng sản, công nhân

3.2.1.1. Đảng cộng sản cầm quyền ở các nước láng giềng, các nước bạn bè truyền thống

ĐCS Việt Nam đặc biệt ưu tiên tăng cường quan hệ với Đảng NDCM Lào, ĐCS Trung Quốc Đảng Nhân dân Campuchia và Đảng Lao động Triều Tiên. Đây là hướng quan trọng nhất trong quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam. Việc coi trọng phát triển quan hệ đoàn kết hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện với các đảng này được xác định là nòng cốt trong tổng thể các mối quan hệ giữa nước ta với Lào, Campuchia, Trung Quốc, và Triều Tiên. nhằm góp phần tăng cường tin cậy chính trị, củng cố nền tảng chính trị và giữ vai trò định hướng chiến lược trong quan hệ giữa Việt Nam và các nước đó.

3.2.1.2. Các ĐCS, công nhân có vị trí, vai trò trên chính trường các nước

Đây là hướng truyền thống trong quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam. Trong thời gian qua, ĐCS Việt Nam tiếp tục coi trọng việc tăng cường quan hệ đoàn kết, hữu nghị, ủng hộ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân với các ĐCS, công nhân; tăng cường trao đổi các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, về xây dựng đảng và về các vấn đề lớn của thế giới đương đại; tích cực tham gia các cuộc gặp, diễn đàn, hội thảo khu vực và quốc tế của các đảng; ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau bằng các hình

thức phù hợp và tích cực góp phần vào sự hồi phục và đi lên của Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế...

3.2.2. Các đảng cánh tả, xã hội và xã hội dân chủ

ĐCS Việt Nam tiếp tục thúc đẩy quan hệ thực chất, có trọng tâm, trọng điểm với Các đảng cánh tả, xã hội và xã hội dân chủ. ĐCS Việt Nam coi trọng việc cử đoàn, gửi điện mừng đại hội và các sự kiện quan trọng của mỗi Đảng, trao đổi đoàn thăm song phương¹³, tiếp xúc, gặp gỡ và phối hợp tốt tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, nhằm tăng cường quan hệ hữu nghị, trao đổi các vấn đề lý luận và thực tiễn trong xây dựng và quản lý đất nước, về các vấn đề của thời đại.

3.2.3 Các đảng khác

ĐCS Việt Nam đã chủ động mở rộng và tăng cường quan hệ với các đảng cầm quyền, đảng tham gia chính quyền, đảng có vị trí và vai trò quan trọng trong việc hình thành và triển khai chính sách của các nước đối với Việt Nam. Trong thời gian qua (đặc biệt kể từ Thông báo 73), đây được xác định là hướng đột phá để mở rộng và tăng cường quan hệ đối ngoại của Đảng.

Trên tinh thần đó, ĐCS Việt Nam đã tích cực thúc đẩy quan hệ với các đảng cầm quyền, các đảng tham chính tại các nước, nhất là ở những nước có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Căn cứ vào mức độ quan hệ và đánh giá vai trò, vị thế, triển vọng của các chính đảng, ĐCS Việt Nam đã chủ động ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác với các đảng cầm quyền, tham chính ở một số nước, xác định rõ phạm vi và nội dung hợp tác, phù hợp với lợi ích của Việt Nam và yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại đảng trong tình hình mới.

3.2.4. Các diễn đàn đa phương chính đảng

3.2.4.1. Hội nghị quốc tế các đảng chính trị châu Á (ICAPP)

ĐCS Việt Nam chủ trọng và chủ động tham gia ICAPP ngay từ Hội nghị đầu tiên, thường xuyên cử đoàn tham dự ở cấp Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương trở lên; tham gia hầu hết tất cả các hoạt động của ICAPP, trong đó có 9 Hội nghị toàn thể, các cuộc họp của Ủy ban thường trực, các hội thảo đặc biệt, hội thảo chuyên đề và tham gia một số đoàn công tác của ICAPP... Bên lề các Hội nghị và cuộc họp, hội thảo, Đoàn ĐCS Việt Nam đã chủ động gặp gỡ, tiếp xúc song phương với các

¹³ ĐCS Việt Nam cử đoàn ra và đón đoàn vào của các đảng: ĐCS Ấn Độ, ĐCS Ấn Độ - Mácxit, ĐCS Bangladesh, ĐCS Sri Lanka, ĐCS Nepal Mácxit – Lêninnít,....

đảng đề trao đổi thông tin, tình hình, trao đổi khả năng và thúc đẩy triển khai quan hệ hợp tác theo kênh đảng, đồng thời trao đổi về các vấn đề mà các bên cùng quan tâm.

3.2.4.2. Cuộc gặp các ĐCS và công nhân quốc tế

ĐCS Việt Nam rất coi trọng và tham gia đầy đủ tất cả các kỳ họp của IMCWP được tổ chức từ năm 1999 tới nay (năm 2023). Trong khuôn khổ các phiên làm việc toàn thể của IMCWP, tham luận của đoàn ĐCS Việt Nam tập trung làm rõ quan điểm của Đảng về những chủ đề thảo luận chính của Cuộc gặp.

3.2.4.3. Các diễn đàn khác

** Hội thảo quốc tế các ĐCS (ICS)*

Đoàn đại biểu ĐCS Việt Nam đã tham gia tích cực các hoạt động trong các lần tham gia Hội thảo. Tại mỗi kỳ tham dự, các thông tin từ đoàn ĐCS Việt Nam, nhất là các tham luận, ý kiến đóng góp xây dựng cho phong trào, cũng như tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và về ĐCS Việt Nam đã được Hội thảo đặc biệt quan tâm.

** Diễn đàn São Paulo (SPF)*

Qua quá trình tham gia SPF, ĐCS Việt Nam đã cung cấp thông tin cập nhật về tình hình Việt Nam và chia sẻ với bạn bè Mỹ La tinh những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam, vừa giúp ĐCS Việt Nam nắm tình hình khu vực, vừa góp phần tạo dựng sự ủng hộ, nhất trí của các đảng, các nước trong khu vực với chủ trương, đường lối phát triển của Việt Nam.

3.3. Các hình thức triển khai quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam

3.3.1. Hoạt động đối ngoại của lãnh đạo cấp cao

Từ năm 2011 đến hết năm 2019, Tổng Bí thư ĐCS Việt Nam đã có 27 chuyến thăm chính thức tới nhiều nước láng giềng, nước bạn bè truyền thống, nước lớn và đối tác quan trọng của Việt Nam,

Các chuyến thăm chính thức các nước của Tổng Bí thư ĐCS Việt Nam có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam và các nước ngày càng đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững và phát triển lên tầm cao mới. Việc các nước không cùng chế độ chính trị với Việt Nam song vẫn đón Tổng Bí thư ĐCS Việt Nam sang thăm chính thức/cấp Nhà nước và dành cho Tổng Bí thư ĐCS Việt Nam sự đón tiếp với các nghi thức lễ tân cấp cao, cho thấy các nước đều thừa nhận thể chế chính trị của Việt Nam và vai trò lãnh đạo của ĐCS Việt Nam...

3.3.2. Trao đổi đoàn các cấp

Thông qua hoạt động trao đổi đoàn, ĐCS Việt Nam tăng cường nghiên cứu, trao đổi lý luận và kinh nghiệm xây dựng Đảng, phát triển đất nước. Đồng thời, ta đã giới thiệu với các đảng bạn về công cuộc đổi mới đi lên CNXH ở Việt Nam và chính sách đối ngoại của Việt Nam, củng cố sự tin cậy chính trị và sự đồng tình, ủng hộ của các đảng bạn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam. Nhiều đảng đã đánh giá cao và bày tỏ quan tâm, mong muốn tăng cường trao đổi về lý luận và nghiên cứu kinh nghiệm của ĐCS Việt Nam. Thông qua hoạt động trao đổi đoàn, kết hợp triển khai các hoạt động phục vụ công tác thông tin đối ngoại, công tác tập hợp, đoàn kết người Việt Nam ở nước ngoài và công tác đảng ngoài nước, hỗ trợ thu hút đầu tư nước ngoài, vận động viện trợ, thúc đẩy giao lưu nhân dân.

3.3.3. Cơ chế “đặc phái viên”

Thông lệ trao đổi Đặc phái viên của Lãnh đạo cấp cao thể hiện tính chất đặc biệt của quan hệ giữa ĐCS Việt Nam với các ĐCS, đảng cầm quyền ở các nước láng giềng có chung biên giới và một số nước bạn bè truyền thống. Kể từ Đại hội X, mỗi dịp Đại hội Đảng, ĐCS Việt Nam đều cử Đặc phái viên của Tổng Bí thư, thường là đồng chí Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, đi thông báo kết quả Đại hội cho Lãnh đạo Đảng NDCM Lào, ĐCS Trung Quốc, Đảng Nhân dân Campuchia và ĐCS Cuba. Đồng thời, vào dịp Đại hội của các Đảng nói trên, ĐCS Việt Nam cũng cử Đặc phái viên của Tổng Bí thư sang chúc mừng và đón Đặc phái viên của Tổng Bí thư Đảng đối tác sang thông báo kết quả Đại hội.

3.3.4. Hội thảo và trao đổi lý luận, đối thoại chính sách

Trong các hình thức thúc đẩy và duy trì quan hệ với các chính đảng trên thế giới, ĐCS Việt Nam có sử dụng hình thức trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm, đó là tiến hành các cuộc trao đổi, hội thảo lý luận, trao đổi chính sách với một số chính đảng.

ĐCS Việt Nam bắt đầu tiến hành các cuộc hội thảo lý luận với ĐCS Trung Quốc từ năm 2003; với ĐCS Nhật Bản từ năm 2007. Sau Đại hội XI, ĐCS Việt Nam mở rộng hình thức hội thảo lý luận song phương với Đảng Dân chủ Xã hội Đức (từ năm 2011), ĐCS Pháp (từ năm 2012), ĐCS Cuba (từ năm 2012), Đảng NDCM Lào (từ năm 2013), Đảng Cảnh tá Đức (từ năm 2018). Tính đến hết năm 2019, tổng cộng đã có 46 cuộc hội thảo, trao đổi lý luận được tổ chức, trong đó có 15 cuộc hội thảo lý luận với ĐCS Trung Quốc; 07 cuộc hội thảo lý luận với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào; 04 cuộc hội thảo lý luận với ĐCS Cuba; 09 cuộc trao đổi lý luận với ĐCS Nhật Bản; 03 cuộc hội thảo lý luận với ĐCS Pháp; 06 cuộc

đổi thoại lý luận với Đảng Xã hội Dân chủ Đức và 02 cuộc đổi thoại chính sách với Đảng Cảnh tá Đức.

3.3.5. Các thỏa thuận hợp tác và đào tạo

Từ năm 2011 đến năm 2019, ĐCS Việt Nam đã ký và triển khai thỏa thuận hợp tác với gần 20 chính đảng trên thế giới, trong đó có nhiều đảng cầm quyền. Các chuyến thăm nước ngoài của Tổng Bí thư ĐCS Việt Nam Nguyễn Phú Trọng đã trực tiếp nâng cấp khuôn khổ quan hệ với 11 nước lên “đối tác chiến lược” hoặc “đối tác toàn diện” hoặc “đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”.¹⁴

Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo được triển khai giữa ĐCS Việt Nam với Đảng NDCM Lào, Đảng Nhân dân Campuchia, ĐCS Trung Quốc và một số đảng khác, cũng như triển khai Đề án 165 do Ban Tổ chức Trung ương chủ trì về cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài.

Tiểu kết

Trong giai đoạn 2011-2019, quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam được triển khai toàn diện và đồng bộ và đạt được những kết quả quan trọng; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đặc biệt, việc Bộ Chính trị ban hành Thông báo 73-TB/TW kết luận về việc tăng cường quan hệ đối ngoại của Đảng trong tình hình mới đã là căn cứ để các mối quan hệ đối ngoại đảng được mở rộng, sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả.

Về đối tác, ĐCS Việt Nam đã triển khai quan hệ đối ngoại với các ĐCS, đảng cầm quyền ở các nước láng giềng có chung biên giới (Lào, Trung Quốc, Campuchia) và ĐCS Cuba và Đảng Lao động Triều Tiên - hướng quan trọng nhất trong quan hệ đối ngoại đảng được tăng cường; quan hệ với các đảng cầm quyền, đảng tham gia chính quyền - hướng đột phá được mở rộng; ĐCS Việt Nam đã tổ chức thành công cuộc gặp 18 của IMCWP (năm 2016).

Về hình thức, ĐCS Việt Nam đã thúc đẩy các mối quan hệ đối ngoại thông qua việc triển khai nhiều hoạt động nổi bật, quan trọng mà tiêu biểu là thành công của các chuyến thăm của Tổng Bí thư đến các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các nước lớn và các đối tác quan trọng. Việc trao đổi đoàn các cấp và các cơ chế “đặc phái viên”, hội thảo và trao đổi lý luận, đổi thoại chính sách, thỏa thuận hợp tác và đào tạo cũng phát huy kết quả, giúp cho các mối quan hệ đối ngoại được triển khai, sâu rộng, toàn diện hơn, góp phần vào việc thực hiện thành công

¹⁴ Hoàng Bình Quân (2019b), tr. 4.

ng nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của ĐCS Việt Nam và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, đặc biệt trong lĩnh vực đối ngoại.

CHƯƠNG 4. NHẬN XÉT VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. Một vài nhận xét

Một là, trong giai đoạn 2011-2019, thực tiễn triển khai quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam đã chứng minh đường lối đối ngoại của Đảng đề ra là hoàn toàn đúng đắn.

Hai là, các hoạt động đối ngoại đảng thời gian qua đã phát huy được thế mạnh đặc thù để đóng góp tích cực cho việc thực hiện nhiệm vụ đối ngoại.

Ba là, không gian quan hệ của ĐCS Việt Nam đã được mở rộng và hướng tới tương xứng với tiềm năng, vị thế, vai trò của đất nước.

Bốn là, kết quả triển khai các mối quan hệ đối ngoại Đảng sẽ trở thành cơ sở thực tiễn phong phú để ĐCS Việt Nam đúc kết thành lý luận, tiếp tục đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới nhận thức, tư duy của Đảng, nhất là trong lĩnh vực đối ngoại.

Năm là, quá trình triển khai quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam cho thấy còn một số mặt hạn chế:

Sáu là, có thể rút ra một số kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai công tác đối ngoại đảng.

4.2. Bối cảnh từ năm 2019 đến nay và những tác động quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam

4.2.1. Tình hình quốc tế, các chính đảng và bối cảnh trong nước từ 2019 đến nay

Tình hình quốc tế, khu vực trong thời gian tới sẽ tiếp tục diễn biến rất phức tạp và khó lường. Trong diễn biến tình hình quốc tế, khu vực chung đó, có những diễn biến liên quan trực tiếp tới việc triển khai quan hệ đối ngoại đảng. Cạnh tranh giữa các chính đảng ở từng nước diễn ra gay gắt dẫn đến những thay đổi nhanh chóng vị thế cầm quyền của các chính đảng trên chính trường các nước. Chiều hướng trung dung hóa các tư tưởng chính trị gia tăng. Vị trí, vai trò của các đảng nhỏ có điều kiện được phát huy, và trong nhiều trường hợp trở thành yếu tố quyết định đến việc thành lập chính phủ ở các nước. Vấn đề an ninh, kinh tế, dân tộc ngày càng trở thành các vấn đề cốt lõi để các đảng tập trung khai thác, tranh thủ sự ủng hộ của cử tri, nhiều chính đảng phải thay đổi cương lĩnh hành động, hướng vào các chính sách mang tính dân túy nhiều hơn, hoặc chủ trương đề cao lợi ích dân tộc.

Ở trong nước, sau hơn 35 năm đổi mới, sức mạnh tổng hợp của Việt Nam ngày càng được tăng cường; vị thế quốc tế của đất nước và của ĐCS Việt Nam ngày càng được nâng cao.

4.2.2. Cơ hội và thách thức

Thứ nhất, trên thế giới, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh và Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước.

Thứ hai, thế và lực của chủ nghĩa xã hội hiện thực (Việt Nam, Lào, Trung Quốc, Cuba, Triều Tiên) ngày càng được tăng cường; sức sống và khả năng tự đổi mới, phát triển của CNXH hiện thực có tác dụng to lớn đến việc củng cố niềm tin vào CNXH, cổ vũ mạnh mẽ các ĐCS, công nhân, cánh tả, các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới.

Thứ ba, thực tiễn tình hình các đảng chính trị và bầu cử quốc hội/nghị viện, bầu cử tổng thống ở nhiều nước cho thấy khó khăn trong dự báo kịp thời và chính xác về sự vận động, phát triển của các chính đảng và tình trạng thay đổi chính quyền của các nước.

Thứ tư, các diễn đàn đa phương chính đảng ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội ở khu vực, trên thế giới; thúc đẩy hợp tác, giao lưu giữa các đảng chính trị và các nước; đồng thời, đây là kênh quan trọng để các đảng trao đổi thông tin, lý luận và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, bày tỏ quan điểm, lập trường và vận động, tạo lập sự ủng hộ, đồng thuận quốc tế đối với quan điểm, lập trường của mình.

Thứ năm, bối cảnh trong nước – thế và lực, sức mạnh tổng hợp và uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao tác động thuận lợi cho việc mở rộng hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại và công tác đối ngoại của Đảng. Tuy nhiên, kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức.

4.3. Khuyến nghị

Thời gian tới, nhằm khai thác tối đa các thuận lợi, thời cơ, vượt qua các khó khăn, thách thức, cần quán triệt sâu sắc các chủ trương, định hướng lớn về đối ngoại theo tinh thần các kỳ Đại hội của ĐCS Việt Nam, đặc biệt là Đại hội XIII, *việc triển khai quan hệ đối ngoại đảng cần lưu ý:*

4.3.1. Về nhận thức và quan điểm chỉ đạo

Một là, đối ngoại đảng có vị trí và vai trò quan trọng trong triển khai thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Hai là, trong quá trình tăng cường quan hệ đối ngoại đảng, cần kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với CNXH, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; kết

hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Ba là, ĐCS Việt Nam là ĐCS cầm quyền, vừa tăng cường quan hệ với các ĐCS và công nhân, vừa phát triển quan hệ với các chính đảng khác, nhất là các đảng cầm quyền và các đảng tham chính các nước; do đó, một mặt tranh thủ được sự ủng hộ của các chính đảng, mặt khác luôn cảnh giác, kiên quyết đấu tranh với các khuynh hướng chính trị - tư tưởng không phù hợp.

Bốn là, mở rộng và tăng cường quan hệ với các chính đảng trên thế giới, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, hiệu quả; chủ động phát huy vai trò của ĐCS Việt Nam tại các diễn đàn đa phương chính đảng ở các khu vực và trên thế giới.

4.3.2. Về giải pháp cụ thể

Một là, tiếp tục phát huy lợi thế, sức mạnh, vai trò của đối ngoại đảng trong duy trì môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, tăng cường và đưa các mối quan hệ quốc tế đi vào chiều sâu, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, tích cực nâng cao hiệu quả thực chất, thúc đẩy các nội dung quan hệ đảng tiếp tục đi vào chiều sâu, cả trên bình diện song phương và đa phương.

Ba là, phối hợp đồng bộ và chặt chẽ đối ngoại đảng với ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân nhằm huy động và phát huy hơn nữa sức mạnh tổng hợp cho công tác đối ngoại.

Bốn là, không ngừng đổi mới tư duy trên tất cả các kênh đối ngoại, cả về nội dung, phương thức, chiến lược, chiến thuật triển khai hoạt động.

Năm là, thường xuyên củng cố và tăng cường năng lực của lực lượng tham gia công tác đối ngoại, trong đó có đối ngoại đảng.

Tiểu kết

Hiệu quả triển khai hoạt động đối ngoại đảng đã không chỉ góp phần nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của ĐCS Việt Nam mà chính là cơ sở thực tiễn để ĐCS Việt Nam lần đầu tiên xác định đối ngoại đảng là một trong ba trụ cột cấu thành cơ bản của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại Việt Nam. Các hoạt động đối ngoại đảng thời gian qua đã phát huy được thế mạnh đặc thù để đóng góp tích cực cho việc thực hiện nhiệm vụ đối ngoại. Quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam với các chính đảng đã góp phần tạo mới và củng cố nền tảng chính trị cho quan hệ ổn định, bền vững giữa Việt Nam với các nước ở các cấp độ khác nhau; đồng thời cho thấy không gian quan hệ của ĐCS Việt Nam đã được mở rộng và hướng tới

tương xứng với tiềm năng, vị thế, vai trò của đất nước. Kết quả triển khai các mối quan hệ đối ngoại Đảng sẽ trở thành cơ sở thực tiễn phong phú để ĐCS Việt Nam đúc kết thành lý luận, tiếp tục đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới nhận thức, tư duy của Đảng, nhất là trong lĩnh vực đối ngoại. Những nhận thức, tư duy mới về đường lối và chính sách đối ngoại của ĐCS Việt Nam đã góp phần để Đảng có những bước đi đúng đắn trong chỉ đạo và triển khai đường lối chính sách, đưa ra định hướng lớn bao quát những vấn đề phát triển quan trọng của đất nước.

Tuy nhiên, trong quá trình ĐCS Việt Nam triển khai các mối quan hệ đối ngoại, cũng còn tồn tại một số hạn chế cả về mặt chủ quan và khách quan và có những bài học kinh nghiệm cần rút ra để không ngừng nâng cao chất lượng các mối quan hệ, đóng góp vào việc triển khai chính sách đối ngoại chung của đất nước.

Tình hình, bối cảnh thế giới, khu vực và của đất nước hiện nay và trong thời gian tới, cùng với những đặc điểm mới trong quan hệ giữa các chính đảng với vai trò là chủ thể trong quan hệ quốc tế đặt ra những vấn đề cần lưu ý trong việc triển khai quan hệ đối ngoại của đảng, nhằm triển khai hiệu quả và phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và sự quản lý tập trung của Nhà nước, tạo thành sức mạnh tổng hợp trên lĩnh vực công tác đối ngoại của toàn bộ hệ thống chính trị Việt Nam.

KẾT LUẬN

Từ những nghiên cứu về quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2019, Luận án rút ra một số kết luận sau đây:

Thứ nhất, đảng chính trị (chính đảng) đã trở thành một hiện tượng chính trị phổ biến ở tất cả các nước trên thế giới. Các chính đảng là lực lượng chính trị, tham gia tích cực vào đời sống chính trị - xã hội không chỉ ở trong nước mình mà cả vào đời sống chính trị quốc tế, trở thành một chủ thể của quan hệ quốc tế. Điều này được quy định bởi mối liên hệ khách quan giữa các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của mỗi quốc gia, dân tộc với các vấn đề của cộng đồng quốc tế. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập năm 1930 với tư cách là một chính đảng cách mạng và từ tháng 9/1945 trở thành Đảng cầm quyền. ĐCS Việt Nam là hạt nhân lãnh đạo cả hệ thống chính trị của đất nước và lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, mọi mặt công tác đối ngoại. Vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng hoàn toàn phù hợp quy luật khách quan và thực tiễn cách mạng Việt Nam nói chung và thực

tiền lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam. Do đó, ĐCS Việt Nam chính là một chủ thể trong quan hệ quốc, khẳng định vai trò của mình trong các hoạt động hoạch định chính sách đối ngoại và đối ngoại Đảng cũng như triển khai quan hệ đối ngoại.

Thứ hai, trải qua hơn 35 năm Đổi mới và quá trình hội nhập quốc tế, đặc biệt trong giai đoạn 2011-2019, đối ngoại đảng - một trụ cột của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại Việt Nam - đã có nhiều đóng góp quan trọng, hiệu quả vào thành công chung của mặt trận đối ngoại thời kỳ đổi mới, phục vụ công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Quan hệ đối ngoại của Việt Nam tiếp tục mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ổn định và bền vững với các đối tác; ngoại giao đa phương sôi động, hiệu quả; củng cố môi trường hòa bình, ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền; huy động mọi nguồn lực cho phát triển đất nước. Vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Thứ ba, tình hình, bối cảnh thế giới, khu vực và của đất nước hiện nay và trong thời gian tới, cùng với những đặc điểm mới trong quan hệ giữa các chính đảng với vai trò là chủ thể trong quan hệ quốc tế đặt ra những vấn đề cần lưu ý trong việc hoạch định đường lối chính sách phù hợp và bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc tối cao.

Thứ ba, đường lối đối ngoại của ĐCS Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn và ĐCS Việt Nam sẽ tiếp tục thúc đẩy tăng cường và quan hệ đối ngoại với các chính đảng theo đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại” được thông qua tại Đại hội Đảng XIII, đưa các mối quan hệ đi vào chiều sâu, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng nhằm bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia – dân tộc.

Thứ tư, với những kết quả đạt được khi triển khai quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam với các chính đảng thời gian qua có thể khẳng định, hiệu quả và phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và sự quản lý tập trung của Nhà nước đã tạo thành sức mạnh tổng hợp trên lĩnh vực công tác đối ngoại của toàn bộ hệ thống chính trị Việt Nam.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đỗ Thùy Dương (2017), “Thành tựu đối ngoại đa phương - khẳng định vị thế mới của Việt Nam trên trường quốc tế”, *Việt Nam sau 30 năm Đổi mới - thành tựu và triển vọng*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 183-196.

2. Đỗ Thùy Dương (2017), “Một số hình thức chia sẻ thông tin, kinh nghiệm với các chính đảng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam”, Tạp chí *Thông tin Đối ngoại*, số (159) 6, tr. 5-9.

3. Đỗ Thùy Dương (2017), “Việt Nam - Indonesia: Quan hệ đối tác chiến lược hướng tới tương lai”, Tạp chí *Cộng sản*, số 131 (11/2017), tr. 92-96.

4. Đỗ Thùy Dương (2019), “Công tác thông tin tuyên truyền về các cuộc hội thảo quốc tế về lý luận giữa ĐCS Việt Nam với một số chính đảng trên thế giới”, Tạp chí *Đối ngoại*, số 119+120, tr. 72-76.

5. Đỗ Thùy Dương (2020), “Quan hệ đối ngoại của ĐCS Việt Nam tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương”, *Triển vọng cấu trúc ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương đến năm 2025 và đối sách của Việt Nam*, Nxb. Thế giới, tr. 285-292.

6. Le Thu Trang, Do Thuy Duong, Nguyen Thi My Hanh, Ngo Tuan Thang, Bui Hong Hanh (2021), “A decade of Vietnamese cultural diplomacy: From recognition to action (2010-2020)”, *International Journal of Arts, Humanities & Social Science*, Volume 02, Issue no 10: October, 2021, p. 57-63.

7. Do Thuy Duong (2021), “The Role of Foreign Activities of the Vietnam’s Communist Party in the New Context”, *The Security and Development Issues in the New Situation*, Volume I, p. 465-486.

8. Đỗ Thùy Dương (2023), “Đối ngoại đảng tích cực góp phần bảo vệ, lan tỏa tư tưởng, trường phái ngoại giao “cây tre Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản điện tử*,

<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/827647/%C4%91oi-ngoai-%C4%91ang-tich-cuc-gop-phan-bao-ve-%2C-lan-toa-tu-tuong%2C-truong-phai-ngoai-giao-%E2%80%9Ccay-tre-viet-nam%E2%80%9D.aspx>